

Số: 250 /2024/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 249/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Minh A**, sinh năm 1989

Căn cước công dân số 038089024117, ngày cấp 29/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: **Tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng**

- Bà **Huỳnh Thị Thu T**, sinh năm 1989

Căn cước công dân số 048189000791, ngày cấp 09/10/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: **Tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông **Nguyễn Minh A** và bà **Huỳnh Thị Thu T** kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng** (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2011, quyển số 01/2010, ngày 12 tháng 8 năm 2011). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống tại **tổ C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau một thời gian chung sống, cuộc sống hôn nhân không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xung đột. Mặc dù nhiều lần cả hai đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ

nhưng mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể giải quyết. Nay ông **A** và bà **T** xác định không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông **A** và bà **T** đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Minh A** và bà **Huỳnh Thị Thu T** là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông **A** và bà **T** xác định có 01 con chung tên **Nguyễn Huỳnh Gia H**, sinh ngày 10/4/2013. Thuận tình ly hôn, ông **A** và bà **T** thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Bà **Huỳnh Thị Thu T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Huỳnh Gia H**, sinh ngày 10/4/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi và ông **Nguyễn Minh A** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **A** và bà **T** tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung* Ông **A** và bà **T** xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông **A** và bà **T** xác định không có.

[5] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông **Nguyễn Minh A** và bà **Huỳnh Thị Thu T** mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 18 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Minh A** và bà **Huỳnh Thị Thu T** (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2011, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông **A** bà **T** ngày 12/8/2011 không còn giá trị pháp lý).

- *Về con chung*: Bà **Huỳnh Thị Thu T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Huỳnh Gia H**, sinh ngày 10/4/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi và ông **Nguyễn Minh A** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết,

vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Minh A và bà Huỳnh Thị Thu T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Minh A và bà Huỳnh Thị Thu T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002949 ngày 14/10/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Mân Thái;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Vũ